

Bản án số: **01A/2021/DS-ST**
Ngày: 27-10-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
góp hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi
2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-DS ngày 16/4/2021 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-DS ngày 01/7/2021, Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 31/2021/TB-TA ngày 20/7/2021, Thông báo mở phiên tòa số: 19/TB-TA ngày 14/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-DS ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

- 2.1. Bà **Trần Thu S** (Na), sinh năm 1973 (có mặt)

2.2. Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1972 (vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L1, xã T, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2021; biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2021; biên bản hòa giải ngày 01/7/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị N** trình bày:*

Năm 2019 bà có tham gia góp hụi do vợ chồng Trần Văn P, Trần Thu S làm chủ và vợ chồng Trần Văn P, Trần Thu S có tham gia góp hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Đối với hụi của ông P, bà S làm chủ:

+ Hụi 5.000.000 đồng áp ngày 15/8/2019 âm lịch, có 36 phần, 15 ngày mở một lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền còn 2.500.000 đồng). Bà tham gia 03 phần, góp hụi sống đến lần thứ 09 thì bỏ thăm nên lĩnh phần hụi thứ nhất. Sau khi lĩnh hụi tiếp tục góp hụi sống, hụi chết thêm 19 lần thì ông P, bà S tuyên bố úp hụi. Tính theo hụi có lãi thì bà được nhận 02 phần hụi chưa lĩnh là 280.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền hụi chết của phần hụi đã lĩnh thì số tiền còn lại là 235.000.000 đồng.

+ Hụi 2.000.000 đồng áp ngày 10/5/2019 âm lịch, 01 tháng mở một lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền còn 1.000.000 đồng), có 02 dây, mỗi dây có 30 phần:

Dây 1: Bà tham gia 03 phần, góp hụi sống đến lần thứ 08 thì bỏ thăm nên lĩnh phần hụi thứ nhất. Sau khi lĩnh hụi tiếp tục góp hụi sống, hụi chết thêm 09 lần thì ông P, bà S tuyên bố úp hụi. Tính theo hụi có lãi thì bà được nhận 02 phần hụi chưa lĩnh là 68.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng và 26.000.000 đồng tiền hụi chết của phần hụi đã lĩnh thì số tiền còn lại là 40.000.000 đồng.

Dây 2: Bà tham gia 03 phần, góp hụi sống đến lần thứ 08 thì bỏ thăm nên lĩnh phần hụi thứ nhất. Sau khi lĩnh hụi tiếp tục góp hụi sống, hụi chết thêm 09 lần thì ông P, bà S tuyên bố úp hụi. Tính theo hụi có lãi thì bà được nhận 02 phần hụi chưa lĩnh là 68.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 2.000.000 đồng và 26.000.000 đồng tiền hụi chết của phần hụi đã lĩnh thì số tiền còn lại là 40.000.000 đồng.

- Đối với hụi do bà làm chủ:

+ Hụi 3.000.000 đồng áp ngày 15/10/2019 âm lịch, có 32 phần, 15 ngày mở một lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền còn 1.500.000 đồng). Ông P, bà S tham gia 04 phần, sau đó lần lượt bỏ thăm nên lĩnh hết 04 phần

hụi và hiện còn nợ bà mỗi phần 09 lần hụi chết bằng 108.000.000 đồng.

+ Hụi 5.000.000 đồng áp ngày 10/7/2020 âm lịch, có 24 phần, 01 tháng mở một lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 2.500.000 đồng). Ông P, bà S tham gia 02 phần, góp hụi sống được mỗi phần 04 lần thì ngưng không góp nữa, tính theo hụi có lãi thì ông P, bà S được nhận 40.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 5.000.000 đồng thì số tiền bà thiếu ông P, bà S là 35.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông P, bà S nợ bà là 423.000.000 đồng trừ số tiền bà còn thiếu ông P, bà S 35.000.000 đồng, còn lại 388.000.000 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thu S phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 388.000.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5//2021; biên bản hòa giải ngày 01/7/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà **Trần Thu S** trình bày:*

Xác định và thừa nhận vợ chồng có làm chủ hụi và tham gia góp hụi đúng như nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày trên.

Xác định hiện vợ chồng còn nợ bà Huỳnh Thị N số tiền hụi còn thiếu là 388.000.000 đồng.

Đối với 02 dây hụi 3.000.000 đồng áp cùng ngày 15/10/2019 do bà Huỳnh Thị N làm chủ, 15 ngày mở một lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 1.500.000 đồng), mỗi dây đều có 32 phần. Trong dây 1 và dây 2 bà đều có tham gia mỗi dây 03 phần (trong dây 1 và dây 2 bà tham gia dùm ông Xiếu mỗi dây 01 phần, còn lại là của bà), trong đó: dây 1 ghi tên bà “Gì Na” từ số 21 đến số 23, dây 02 ghi tên bà “Gì Na” từ số 20 đến số 22. Trong 02 dây hụi này bà Cao Bích Thủy đều có tham gia nhưng mỗi dây không rõ bao nhiêu phần, vì thỉnh thoảng bà cũng có đi khai hụi, trong mỗi danh sách hụi đều có tên “Thủy”. Từ trước đến nay bà không mâu thuẫn gì với Cao Bích Thủy.

Nay đồng ý trả số tiền hụi còn thiếu là 388.000.000đ (Ba trăm tám mươi tám triệu đồng), đúng như yêu cầu của nguyên đơn bà N nêu ra, nhưng hẹn xin trả dần.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông **Trần Văn P** trình bày:* Tuy ông không trực tiếp tham gia góp hụi cùng vợ là Trần Thu S với nguyên đơn bà Huỳnh Thị N, nhưng quá trình tham gia góp hụi giữa hai bên ông đều biết. Nay xác định bà S còn thiếu tiền hụi của

bà N nên cũng đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà S trả nợ cho bà N.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và bị đơn bà Trần Thu S vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Trần Văn P vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đơn bà Huỳnh Thị N, bị đơn ông Trần Văn P, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn bà Trần Thu S trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần thứ nhất.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thu S phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị N số tiền hui còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông Trần Văn P nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời nguyên đơn bà Huỳnh Thị N, bị đơn bà Trần Thu S không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Văn P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông P, bà S phải trả cho bà tiền hui còn thiếu và bị đơn cũng thừa nhận. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui* và ông P, bà S có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Lộc 1, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị N với bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thu S có xác lập hợp đồng dân sự góp hụi với nhau và hiện bị đơn ông P, bà S còn nợ nguyên đơn bà N số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 388.000.000 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

Do đó, hiện nay bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thu S phải trả số tiền hụi còn thiếu đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị N là **388.000.000đ** (Ba trăm tám mươi tám triệu đồng), vì đây là nghĩa vụ của chủ hụi đối với thành viên góp hụi và cũng là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 18, 23, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về thời gian và phương thức thực hiện việc trả nợ, do bị đơn Trần Văn P vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, mà quyết định trách nhiệm của bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thu S phải trả nợ cho nguyên đơn bà Huỳnh thị N theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn ông P, bà S phải chịu **19.400.000** đồng (388.000.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 18, 23, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Văn P, bà Trần Thu S phải trả cho bà Huỳnh Thị N **388.000.000đ** (Ba trăm tám mươi tám triệu đồng) tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huỳnh Thị N, nếu ông Trần Văn P, bà Trần Thu S không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà N thì hàng tháng ông P, bà S còn phải trả tiền lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn P, bà Trần Thu S phải chịu **19.400.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị N 10.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004030 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/10/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh